

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 2805/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Không gian du lịch
ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn;

Căn cứ Quyết định số 5548/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn;

Căn cứ Công văn số 2036-CV/VPTU ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần Tập đoàn FLC tại Tờ trình số 61/TTr-FLC ngày 08 tháng 6 năm 2017; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3340/SXD-PTĐT ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và giới hạn khu vực lập quy hoạch:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Quảng Cư, phường Trung Sơn, Bắc Sơn và Trường Sơn thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc giáp: Vạn Chải resort;
- Phía Nam giáp: núi Trường Lệ;
- Phía Tây giáp: Đường Hồ Xuân Hương;
- Phía Đông giáp: Biển Đông.

2. Lý do điều chỉnh:

- Để đảm bảo nhu cầu an ninh, y tế; để du khách, người dân tiếp cận thuận lợi nhất và bán kính phục vụ cần phải bổ sung các nhà liên ngành tại các vị trí dọc bãi biển.

- Bổ sung thêm các bãi tắm ngoài trời do nhu cầu đáp ứng lượng khách du lịch tăng lên, tránh tình trạng quá tải.

- Một số vị trí công trình công cộng, dịch vụ, bãi tắm... không phù hợp với điều kiện thực tế vì đầu tư không hiệu quả, nằm lệch trục, tuyến cảnh quan hoặc chặn hướng nhìn xuống biển ảnh hưởng tới thiết kế đô thị không gian ven biển.

3. Tính chất của khu quy hoạch:

- Là bãi tắm công cộng phục vụ du khách và nhân dân trong vùng với các công trình phục vụ nhu cầu của khách du lịch như tắm, giải khát...;

- Là khu thể dục thể thao gồm các bộ môn trên bãi biển như bóng chuyền, cầu mây...;

- Là không gian mở ven biển với hệ thống cây xanh, vườn hoa kết hợp với các không gian nhạc nước, không gian điêu khắc, quảng trường;

- Là khu dịch vụ công cộng với các công trình bar - cà phê.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng so sánh quy hoạch phương án đã duyệt và phương án điều chỉnh:

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích khu đất (m ²)		So sánh (3)= (2)-(1)
			Phương án QH đã duyet (1)	Đề xuất điều chỉnh QH (2)	
	TỔNG		319.860	319.860	0
1	Khu công trình phục vụ nhu cầu của khách tắm biển	CC	1.944	5.691	3.747
2	Đất công trình liên ngành	LN	0	168	168
3	Khu công trình công cộng có mục đích kinh doanh như bar - cafe giải khát	DV	12.437	12.437	0
4	Đất vui chơi giải trí kết hợp cây xanh	VC	2.570	2.456	-114
5	Đất vui chơi trẻ em	KVC	0	1.707	1.707
6	Không gian nhạc nước	NN	3.084	3.095	11
7	Bến thuyền du lịch	BT	1.919	0	-1.919
8	Công viên cây xanh	CV	14.324	17.546	3.222
9	Đất vườn hoa bốn mùa	VH	2.802	2.996	194
10	Đất công viên cây tạo hình	TH	2939	2.686	-253
11	Quảng trường Thanh thiếu niên	TTN	0	3.021	3021
12	Khu thể dục thể thao kết hợp cây xanh	TT	5.183	1.235	-3.948
13	Không gian điêu khắc kết hợp cây xanh	DK	3.881	3.210	-671
14	Khuôn viên vườn hoa Nguyễn Thị Lợi	NTL	531	531	0
15	Quảng trường tâm linh kết hợp cây xanh	QTTL	1.139	1.139	0
16	Quảng trường, Lối xuống bãi tắm	LX	10.683	7.987	-2.696
17	Bãi tắm công cộng	BC	113.750	84.494	-29.257
18	Đất trạm biển áp	TBA	0	57	57
19	Đất nhà trông coi ngư cụ	NTC	0	769,6	770
20	Đất khu vực neo đậu tạm thuyền, bè, mùng của ngư dân trong khi chưa giải bản hoặc chưa đầu tư nơi neo đậu mới theo quy hoạch	NDT	0	25.961	25.961
21	Đường Hồ Xuân Hương		142.674	142.674	0

Bảng Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

S T T	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích khu đất	MĐ XD	Diện tích XD	Tầng cao	Tỷ lệ chiếm đất
			m2	%	m2	tầng	%
	TỔNG		319.860		9.313		100,0
1	Khu công trình phục vụ nhu cầu của khách tắm biển	CC	5.691	46,6	2.652	1	1,78
2	Đất công trình liên ngành	LN	168	100,0	168	1	0,05
3	Khu công trình công cộng có mục đích kinh doanh như bar - cafe giải khát	DV	12.437	39,4	4.904	1	3,89
4	Đất vui chơi giải trí kết hợp cây xanh	VC	2.456				0,77
5	Đất vui chơi trẻ em	KVC	1.707				0,53
6	Không gian nhạc nước	NN	3.095	1,6	50	1	0,97
7	Công viên cây xanh	CV	17.546				5,49
8	Đất vườn hoa bốn mùa	VH	2.996				0,94
9	Đất công viên cây tạo hình	TH	2.686				0,84
10	Quảng trường Thanh thiếu niên	TTN	3.021				0,94
11	Khu thể dục thể thao kết hợp cây xanh	TT	1.235				0,39
12	Không gian điêu khắc kết hợp cây xanh	DK	3.210				1,00
13	Khuôn viên vườn hoa Nguyễn Thị Lợi	NTL	531				0,17
14	Quảng trường tâm linh kết hợp cây xanh	QTTL	1.139				0,36
15	Quảng trường, Lối xuống bãi tắm	LX	7.987				2,50
16	Bãi tắm công cộng	BC	84.494				26,42
17	Đất trạm biển áp	TBA	57				0,02
18	Đất nhà trông coi ngư cụ tạm	NTC	769,6	100,0	1.539	2	0,24
19	Đất khu vực neo đậu tạm thuyền, bè, mùng của ngư dân trong khi chưa giải bán hoặc chưa đầu tư nơi neo đậu mới theo quy hoạch	NDT	25.961				
20	Đường Hồ Xuân Hương		142.674				44,61

4.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

4.2.1. Khu công trình phục vụ nhu cầu của khách tắm biển:

Bao gồm 18 Khu công trình ký hiệu từ CC-01 đến CC-18, có chức năng: tắm tráng nước ngọt; thuê phao bơi, áo tắm; gửi đồ phục vụ du khách;

- Tổng diện tích là 5.691m²;
- Mật độ xây dựng: 25,5% - 57,4%;
- Tầng cao: 1 tầng;
- Tỷ lệ chiếm đất: 1,78%.

4.2.2. Khu công trình liên ngành:

Bao gồm 04 Khu công trình ký hiệu từ LN-01 đến LN-04, có chức năng: An ninh, y tế...

- Tổng Diện tích là 168m²;
- Mật độ xây dựng: 100%;
- Tầng cao: 1 tầng;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,05%;

4.2.3. Khu công trình công cộng có mục đích kinh doanh như bar - café giải khát:

Tổ hợp bar-cà phê được tổ chức trên 14 khu phân bố dọc khu vực nghiên cứu với 14 khu công trình có ký hiệu từ DV01-DV14.

- Tổng diện tích 14 điểm là: 12.437m².
- Mật độ xây dựng trung bình là : 39,4%
- Tầng cao: 1 tầng
- Tỷ lệ chiếm đất: 3,89%

4.2.4. Đất vui chơi giải trí kết hợp cây xanh:

Là không gian diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí, trên cạn cũng như dưới nước. Gồm 01 khu có kí hiệu VC

- Diện tích 2.456m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,77%;

4.2.5. Đất vui chơi trẻ em:

Là không gian diễn ra các hoạt động vui chơi trẻ em, trên cạn cũng như dưới nước. Gồm 01 khu có kí hiệu KVC

- Diện tích 1.707m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,53%

4.2.6. Đất không gian nhạc nước:

Là không gian diễn ra các hoạt động biểu diễn ca nhạc kết hợp hiệu ứng phun nước nghệ thuật. Thường trình diễn vào buổi tối. kí hiệu: NN

- Diện tích 3.095m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,97%

4.2.7. Đất công viên cây xanh :

Là không gian cây xanh với chức năng chính là điều hòa khí hậu. Gồm 17 điểm ký hiệu từ CV01-CV17

- Diện tích 17.546m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 5,49%.

4.2.8. Đất vườn hoa bốn mùa:

Là không gian vườn với các loại hoa được trồng theo mùa, đảm bảo quanh năm đều có hoa, tạo ra không gian rực rỡ sắc hoa cả 4 mùa trong năm.

- Ký hiệu VH01, VH02;
- Diện tích 2.996m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,94%

4.2.9. Đất công viên cây tạo hình:

Là không gian cây xanh được cắt tỉa nghệ thuật. Ký hiệu TH01-TH02

- Diện tích 2.686m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,84%

4.2.10. Đất quảng trường thanh thiếu niên:

Là không gian quảng trường cây xanh dành cho thanh thiếu niên. Ký hiệu TTN01-TTN03.

- Diện tích 3.021m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,94%.

4.2.11. Khu thể dục thể thao kết hợp cây xanh:

Là không gian cho các hoạt động TDTT trên biển. Ký hiệu TT

- Diện tích 1.235m²;
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,39%.

4.2.12. Khuôn viên vườn hoa Nguyễn Thị Lợi:

Là nơi tưởng niệm nữ Anh hùng Liệt sĩ CAND Nguyễn Thị Lợi

- Diện tích 531m²

4.2.13. Quảng trường, lối xuống bãi tắm:

Được bố trí rải rác dọc đường Hồ Xuân Hương là đường xuống biển cho du khách. Gồm 30 điểm ký hiệu: LX01-LX30. Diện tích 7.987 m².

4.2.14. Quảng trường tâm linh kết hợp cây xanh:

Được bố trí ở chân đền Độc Cước, là không gian tổ chức lễ hội, không gian văn hóa tâm linh gắn liền với di tích lịch sử cấp Quốc gia đền Độc Cước.

Diện tích 1.139m².

4.2.15. Bãi tắm công cộng:

Là nơi vui chơi, tắm biển...

Diện tích khoảng 84.494m².

Chiếm tỷ lệ 26,42%.

4.2.16. Đất nhà trông coi ngư cụ.

Gồm 5 khu đất ký hiệu: NTC01-NTC05

- Diện tích 769,6m²;
- Mật độ xây dựng 100%, tầng cao 02 tầng
- Tỷ lệ chiếm đất: 0,24%.

4.2.17. Đất khu vực neo đậu tạm thuyền, bè, mùng của ngư dân trong khi chưa giải bản hoặc chưa đầu tư nơi neo đậu mới theo quy hoạch.

- Diện tích: 25.961m²
- Chiếm tỷ lệ 8,11%.

4.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.3.1. Quy hoạch hệ thống giao thông: đường Hồ Xuân Hương đã đầu tư xây dựng xong, không có điều chỉnh.

4.3.2. Quy hoạch San nền.

Cập nhật địa hình những khu vực đã thi công xong, điều chỉnh cục bộ trên nguyên tắc thiết kế bám sát địa hình tự nhiên, đảm bảo thoát nước bề mặt tốt, giảm thiểu khối lượng san lấp mặt bằng, đảm bảo cảnh quan không gian xây dựng hợp lý, hài hòa. Cao độ thấp nhất của khu vực là 2,85m, cao nhất là 3,85m.

4.3.3. Quy hoạch Thoát nước mưa.

Điều chỉnh so với quy hoạch đã được phê duyệt: Thiết kế thêm hệ thống cống thoát nước nhằm giải quyết các điểm úng nước mặt trên đường Hồ Xuân Hương. Cập nhật 4 cống thoát mưa ra biển đảm bảo khả năng thoát nước mặt. Cập nhật các nội dung đã được đầu tư xây dựng.

4.3.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

Điều chỉnh so với quy hoạch đã được phê duyệt: Điều chỉnh các vị trí đầu nối cấp nước vào nhà liên ngành và các điểm tắm tráng.

Nhu cầu cấp nước khu vực nghiên cứu: 1.000 m³/ngđ.

4.3.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Điều chỉnh so với quy hoạch đã được phê duyệt: Điều chỉnh các vị trí đầu nối thoát nước từ nhà liên ngành và các điểm tắm tráng; cập nhật các nội dung đã được đầu tư xây dựng.

Nguyên tắc thiết kế

- Nước thải thoát độc lập với nước mưa. Nước thải trong dự án được thoát về trạm xử lý tập trung, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Hệ thống thoát nước thường thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, khi cống đặt quá sâu thì dùng máy bơm nâng nước lên cao sau đó lại cho nước tiếp tục tự chảy.

- Triệt để lợi dụng địa hình sao cho nước thải tự chảy trong mạng lưới là nhiều nhất đảm bảo thu nước nhanh, hạn chế đặt nhiều trạm bơm.

- Khi bố trí cống thoát nước phải phối hợp với các công trình ngầm khác để đảm bảo việc xây dựng, khai thác sử dụng được thuận tiện.

- Mạng lưới thoát nước cần phù hợp với đặc điểm của từng đô thị (quy hoạch kiến trúc, địa hình, điều kiện thi công, quản lý hành chính của đô thị...).

Tổng khối lượng nước thải: 600 m³/ngđ.

Mạng lưới đường ống thoát nước:

Thiết kế mạng lưới thoát nước thải riêng rẽ với nước mưa. Các công trình phải xây các bể tự hoại được làm sạch sơ bộ sau mới thoát vào hệ thống công chung của khu vực. Nước thải thoát về trạm xử lý nước thải chung của khu vực.

Mạng lưới thoát nước thải dùng cống HDPE có đường kính cống D300 với Chiều sâu chôn ống tối thiểu là 0,7m tính từ mặt đất đến đỉnh ống và không quá 4,5m tính đến đáy ống.

Khoảng cách giữa các hố ga phụ thuộc vào đường kính ống nước thải là 20m đối với đường ống đường kính 300mm.

Xử lý chất thải rắn:

- Tính toán khối lượng CTR: tổng nhu cầu thu gom chất thải rắn: 1,29 tấn/ngày. Chất thải rắn cần xử lý tính bằng 100% lượng chất thải rắn phát sinh.

- Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

Rác thải của thành phố Sầm Sơn dự kiến được vận chuyển và xử lý tại khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố Thanh Hoá và vùng phụ cận có vị trí đặt tại xã Đông Nam (đã được bố trí theo đồ án Điều chỉnh QHC thành phố Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn 2035, được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 16/1/2009); Đã thực hiện lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được UBND tỉnh phê duyệt tại mặt bằng số 817/QĐ UBND, ngày 15/03/2010.

Các chất thải rắn này do Công ty Môi trường Đô thị của thành phố Sầm Sơn thu gom, vận chuyển về khu xử lý rác thải của thành phố Thanh Hoá.

4.3.6. Quy hoạch cấp điện:

Điều chỉnh so với quy hoạch đã được phê duyệt: Điều chỉnh các vị trí đầu nối cấp điện, tủ điện vào nhà liên ngành, các điểm tắm tráng và các trụ chiếu sáng phục vụ lễ hội, cảnh quan; cập nhật các nội dung đã được đầu tư xây dựng.

Nhu cầu sử dụng điện: Dựa vào chỉ tiêu cấp điện và mặt bằng kiến trúc cảnh quan dự án tính được phụ tải tính toán của khu: Tổng công suất sử dụng

điện toàn khu: 619,23 kW , hệ số $\cos \varphi = 0,9$; công suất biểu kiến $S_{nc} = 688$ kVA. Tổng nhu cầu dùng điện và công suất dự phòng khi có sự kiện lớn tổ chức $S_t = 1.360$ kVA. Nhu cầu cấp điện cho khu vực nghiên cứu là 1.360 KVA.

a) Lưới điện trung áp:

Đầu nối từ cáp ngầm 22kV hiện có bên trái đường Hồ Xuân Hương sang 4 trạm biến áp dự kiến.

b) Trạm biến áp:

- Trạm biến áp dự kiến có công suất 320-400 kVA cấp được đặt trong khu vực cây xanh. Trạm biến áp dự kiến là trạm treo kiểu mới, với diện tích nhỏ đảm bảo mỹ quan cho đường Hồ Xuân Hương.

- Tổng công suất dự kiến các TBA là: 1.360 kVA

c) Lưới điện hạ áp:

- Xây dựng lại các tuyến đường dây hạ áp hiện hữu không đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ quan đô thị.

- Tiết diện dây dẫn được lựa chọn phù hợp với mật độ phụ tải của từng khu vực và thỏa mãn điều kiện tổn thất điện áp nhỏ hơn 5%.

d) Chiếu sáng:

- Định hướng chiếu sáng đô thị: Áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 333: 2005 đối với các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị; Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN: 259: 2001 đối với đường, đường phố, quảng trường đô thị.

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế phù hợp với cảnh quan môi trường, cảnh quan kiến trúc, tạo ra được các điểm nhấn. Thiết kế hệ thống điện cho quảng cáo, lễ hội không ảnh hưởng đến mạng lưới chiếu sáng chung của đô thị.

4.2.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Điều chỉnh so với quy hoạch đã được phê duyệt:

- Điều chỉnh các vị trí đầu nối thông tin liên lạc, tủ thông tin vào nhà liên ngành; cập nhật các nội dung đã được đầu tư xây dựng.

- Trong phạm vi Quy hoạch dự án chỉ đề xuất hệ thống hạ tầng thông tin bao gồm hệ thống ống luồn cáp và ga kéo cáp. Việc đầu tư hệ thống cáp và thiết bị đầu cuối do Chủ đầu tư thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Công ty cổ phần Tập đoàn FLC có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ; gửi Sở Xây dựng kiểm tra, đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý và thực hiện.

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND thị xã Sầm Sơn theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định; xác định các vấn đề đất đai, tài chính và điều chỉnh lại các nội dung khác theo các quy định hiện hành của pháp luật.

- Giao UBND thành phố Sầm Sơn hoàn thành việc xây dựng các nhà trông coi ngư cụ để tập kết, neo đậu tạm thuyền, bè, mùng của ngư dân, đảm bảo ngăn nắp, mỹ quan, hấp dẫn của bãi biển du lịch Sầm Sơn, thời gian hoàn thành trước ngày 15/11/2017. Về lâu dài, cần tính toán tìm địa điểm quy hoạch sắp xếp nơi đậu tàu thuyền cho ngư dân phù hợp, để tạo cảnh quan bãi biển đẹp, môi trường trong lành, tăng thêm sức hấp dẫn cho phát triển du lịch Sầm Sơn, đồng thời nghiên cứu có phương án đảm bảo sinh kế phù hợp, ổn định lâu dài để khuyến khích ngư dân chuyển đổi nghề nghiệp, cải thiện và nâng cao đời sống.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

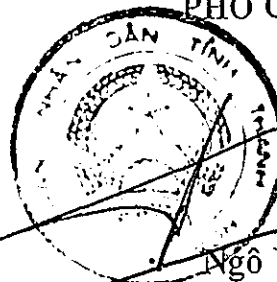
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; Công ty cổ phần Tập đoàn FLC và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H5.(2017)QDPD QHCT 1-500 KGDL ven bien HXH.doc

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn